

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC THEO b-LEARNING ĐÁP ỨNG YÊU CẦU ĐỔI MỚI CĂN BẢN, TOÀN DIỆN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO SAU 2015

■ Trần Huy Hoàng*, Nguyễn Kim Đào**

TÓM TẮT

b-Learning có thể xem như một hệ thống giáo dục mở mà khả năng ứng dụng, khai thác rất rộng với công cụ hỗ trợ là công nghệ thông tin và truyền thông cùng với sự hướng dẫn trực tiếp của GV. Khả năng khai thác và ứng dụng của b-Learning trong dạy học tùy thuộc rất nhiều vào yếu tố con người và cơ sở vật chất của cơ sở đào tạo. Do đó, b-Learning cần tiếp tục nghiên cứu và áp dụng rộng rãi mới có thể rút ra một tiến trình khoa học và phù hợp nhất với giáo dục Việt Nam.

ABSTRACT

The organization of b-learning to meet the basic requirements for renovation and the renovation of the complete education and training system after 2015

b-Learning can be seen as an open educational system that can be applied and exploited widely with its supporting tool, information technology, and media together with the direct guidance of the teacher. The ability to exploit and apply b-Learning in teaching depends very much on the human element and the material basis of the training facility. Thus, b-Learning needs further research and should be widely applied before a scientific process can be outlined and it can be suitable for Vietnam's education system.

Quan điểm của Đảng là chuyển mạnh quá trình giáo dục từ việc chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển năng lực và phẩm chất người học. Với quan điểm này, thì việc dạy, việc học trong nhà trường phải thay đổi căn bản. Tức là vẫn có dạy, có truyền thụ kiến thức như dạy học truyền thống (F2F). Đồng thời, người học chủ động tìm kiếm, chiếm lĩnh những kiến thức căn bản làm công cụ để phát triển năng lực. Ngày nay, máy vi tính và internet đã trở thành một phần của cuộc sống, trong đó bao gồm cả môi trường dạy và học. Đặc biệt, môi trường học tập trực tuyến e-Learning có thể được xem là kết quả của sự trải rộng ngày càng tăng của máy

vi tính và internet và nhanh chóng trở nên phổ biến. Tuy nhiên, môi trường học tập trực tuyến còn gặp phải nhiều trở ngại cần phải có sự hỗ trợ của môi trường học tập truyền thống (F2F) từ đó hình thức tổ chức dạy học blended learning (b-Learning) ra đời.

1. Khái niệm b-Learning

Hình thức tổ chức dạy học (HTTCDH) trực tuyến e-Learning xuất hiện từ năm 1998; với những thế mạnh của nó, e-Learning đã phát triển mạnh mẽ. Tuy nhiên, dần dần e-Learning đã thể hiện một số bất cập như cơ sở hạ tầng còn thiếu, trình độ CNTT của các nhà quản lý,

* PGS.TS, Trường ĐHSP Huế

** NCS. Trường ĐHSP Huế

của GV và HS không đồng đều và một số con yếu... b-Learning là một hình thức học khá phổ biến trên thế giới, đặc biệt những nước có nền giáo dục phát triển. Hình thức này có thể phát huy được thế mạnh của e-Learning và dạy học truyền thống.

Hiện nay, vẫn còn một số khái niệm khác nhau về b-Learning, cụ thể:

Theo Alvarez (2005) đã định nghĩa, b-Learning là “Sự kết hợp của các phương tiện truyền thông trong đào tạo như công nghệ, các hoạt động, và các loại sự kiện nhằm tạo ra một chương trình đào tạo tối ưu cho một đối tượng cụ thể”. Tác giả Victoria L. Tinio cho rằng “Học tích hợp (Blended Learning) để chỉ các mô hình học kết hợp giữa hình thức lớp học truyền thống và các giải pháp e-Learning”. Theo Bonk và Graham (2006), b-Learning là: Kết hợp các phương thức giảng dạy (hoặc cung cấp các phương tiện truyền thông); Kết hợp các phương pháp giảng dạy; Kết hợp học tập trực tuyến và F2F.

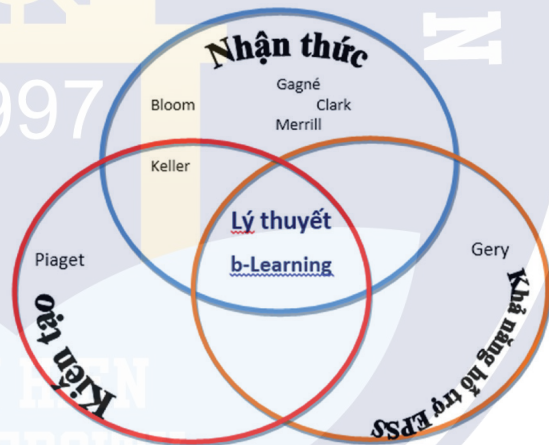
Tại Việt Nam, b-Learning còn là một khái niệm mới, chưa được nghiên cứu nhiều. Tác giả Nguyễn Văn Hiền có đưa ra một khái niệm tương tự là “Học tập hỗn hợp” để chỉ hình thức kết hợp giữa cách học trên lớp với học tập có sự hỗ trợ của công nghệ, học tập qua mạng. Tác giả Nguyễn Danh Nam cũng đưa ra nhận định: Sự kết hợp giữa e-Learning với lớp học truyền thống trở thành một giải pháp tốt, nó tạo thành một mô hình đào tạo gọi là “Blended Learning”.

Để phù hợp với môi trường học tập, trình độ HS và khả năng CNTT và TT ở Việt Nam, chúng

tôi cho rằng b-Learning là sự kết hợp “hữu cơ”, bổ sung lẫn nhau giữa HTTCDDH trên lớp F2F dưới sự hướng dẫn của GV và HTTCDDH qua mạng e-Learning với tính tự giác của HS thành một thể thống nhất, trong đó các PPDH được vận dụng mềm dẻo để tận dụng tối đa ưu điểm của CNTT và TT nhằm mang lại hiệu quả học tập tốt nhất.

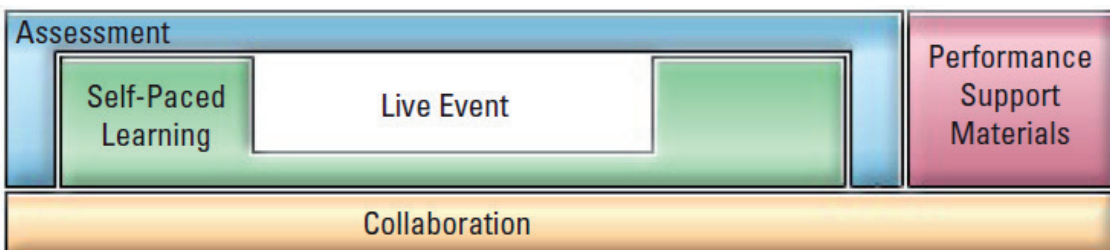
2. Cấu trúc b-Learning

e-Learning đã tạo ra môi trường học tập hấp dẫn. Tuy nhiên, b-Learning là sự tiến hoá hợp lý và tự nhiên nhất trong tiến trình học tập. Nó chỉ ra một giải pháp để khắc phục hạn chế của dạy học e-Learning và dạy học truyền thống F2F. Nó là một cơ hội để tích hợp các sáng tạo và tiến bộ công nghệ, cụ thể là học tập trực tuyến e-Learning, với sự kết hợp và tương tác tốt nhất với học tập truyền thống F2F.



Hình 1. Lý thuyết b-Learning

Bằng cách áp dụng lý thuyết học tập của Keller, Gagne, Bloom, Merrill, Clark và Gery (hình 1), M. Carman (2005) đưa ra năm thành phần chính là những yếu tố quan trọng của một quá trình b-Learning (hình 2):



Hình 2. Các thành phần của b-Learning

1. Hoạt động đồng bộ (Live Event): Các sự kiện đồng bộ là một “thành phần” chính b-Learning. Trong hoạt động đồng bộ, GV hướng dẫn các sự kiện học tập trong đó tất cả HS tham gia cùng một lúc.

2. Tự học tập (Self-Paced Learning): các sự kiện học tập không đồng bộ, người học tự hoàn thành các quá trình thu nhận kiến thức, với tốc độ và thời gian học của mình, chẳng hạn như đào tạo dựa trên sự tương tác, internet hoặc CD-ROM.

3. Cộng tác (Collaboration): Môi trường trong đó người học giao tiếp với người khác, ví dụ, e-mail, các cuộc thảo luận hoặc trò chuyện trực tuyến. Hiệu quả của hoạt động đồng bộ hoặc quá trình tự học sẽ được tăng cường khi tạo ra cơ hội cho sự hợp tác. Khi tạo ra một chương trình học tập tích hợp, nhà thiết kế nên tạo ra môi trường HS và GV có thể hợp tác đồng bộ trong các phòng chat, hoặc không đồng bộ bằng cách sử dụng e-mail và các cuộc trao đổi thảo luận.

4. Đánh giá (Assessment): Một thước đo kiến thức của người học. Đánh giá là một trong những thành phần quan trọng nhất của b-Learning, vì hai lý do: Nó cho phép người học dễ dàng “kiểm tra” nội dung mà họ đã biết, để điều chỉnh quá trình b-Learning của họ; và thể hiện hiệu quả của tất cả các phương pháp và hoạt động học tập.

5. Tài liệu hỗ trợ (Performance Support Materials): Tài liệu hỗ trợ là các thành phần quan trọng nhất của b-Learning. Nó thúc đẩy sự “duy trì và chuyển giao học tập” với môi trường làm việc.

3. Mô hình b-Learning

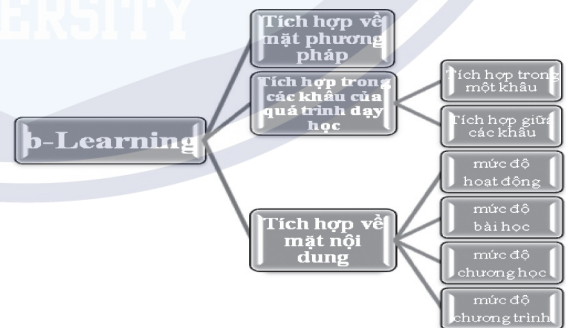
b-Learning là một hình thức dạy học tích cực, đặc biệt là sự tương tác giữa các người học, giữa người học và GV nhằm đáp ứng nhu cầu giáo dục càng ngày càng cao của người học.



Hình 3. Mô hình b-Learning

Theo hình 3, người học tham gia vào quá trình học tập bằng hình thức học giáp mặt trên lớp (nhóm, cá nhân, seminar, hội thảo); hình thức học hợp tác qua mạng máy tính (chat, blog, online, forum) và tự học (trực tuyến/ngoại tuyến, độc lập về không gian). Với mỗi nội dung, người học được học bằng phương pháp tốt nhất, phương tiện tốt nhất, hình thức phù hợp nhất và khả năng đạt hiệu quả cao nhất.

Trên thế giới, b-Learning khá phổ biến trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, đặc biệt là đào tạo nghề qua mạng, b-Learning được coi là phương án tối ưu nhất hiện nay khi mà giáo dục điện tử hay e-Learning không thể thay thế được những hình thức học trên lớp. b-Learning được thể hiện ở nhiều hình thức khác nhau, thể hiện trong sơ đồ 1:



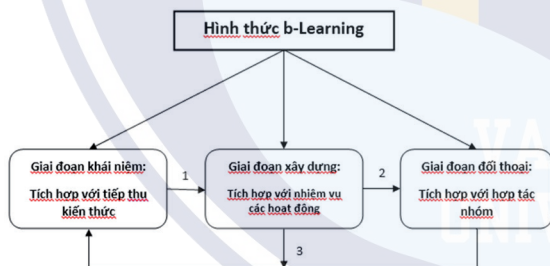
Sơ đồ 1. Những hình thức tích hợp

Sự tích hợp còn được thực hiện trong một khâu hoặc giữa các khâu của QTDH nhằm tận dụng ưu điểm trong quá trình thực hiện các mục

tiêu dạy học, hoặc kết hợp giữa các PPDH khác nhau nhằm tận dụng lợi thế từ sự hỗ trợ của CNTT. Có thể thấy, trong b-Learning, người dạy và người học được lựa chọn phương án làm việc thuận lợi nhất cho mình trong điều kiện hiện tại.

Ngoài ra, Mayes và Fowler đề xuất một hình thức ba giai đoạn hay một chu trình b-Learning, trong đó họ đã xác định ba giai đoạn: khái niệm, xây dựng, và đối thoại. Các đặc tính thiết yếu của quá trình học tập là nó mô tả một chu trình liên tục, hoặc vòng phản hồi, các sàng lọc dần dần của sự hiểu biết. Theo đó, học tập phát triển theo ba giai đoạn, bắt đầu với khái niệm, sự tiến triển thông qua xây dựng đến đối thoại. Giai đoạn khái niệm được đặc trưng bởi quá trình tương tác giữa các kinh nghiệm có sẵn của người học và kiến thức của GV. Giai đoạn xây dựng đề cập đến quá trình xây dựng và kết hợp khái niệm thông qua sử dụng khái niệm thực hiện các nhiệm vụ có ý nghĩa. Giai đoạn đối thoại liên quan các thử nghiệm của khái niệm và tạo ra các khái niệm mới trong cuộc trò chuyện với cả hai người HS và GV. Đối thoại xuất hiện thông qua học hợp tác.

Từ mô hình của Fowler và Mayes, Roberts (2003) điều chỉnh tạo nên sự tích hợp ở ba giai đoạn khác nhau (Sơ đồ 2):



Sơ đồ 2. Hình thức b-Learning với ba giai đoạn học tập lặp đi lặp lại

- Tích hợp ở giai đoạn khái niệm. Tích hợp ở cấp độ này xảy ra khi hình thức học tập tích hợp F2F để học ở giai đoạn ban đầu. Trong giai đoạn này, HS được tiếp thu kiến thức.

- Tích hợp ở giai đoạn xây dựng. Tích hợp ở cấp độ này xảy ra khi hình thức học tập tích hợp các hoạt động học tập với học liệu thứ cấp, ví dụ, nhiệm vụ dựa trên hoạt động mạng. Trong

giai đoạn này, HS được tham gia vào xây dựng kiến thức mới.

- Tích hợp ở giai đoạn đối thoại. Tích hợp ở giai đoạn này xảy ra khi các hình thức học tích hợp với đối thoại F2F và dạy học trực tuyến ở giai đoạn cuối, ví dụ, thảo luận trực tuyến và hợp tác nhóm.

Việc sử dụng ban đầu của cụm từ “b-Learning” chỉ đơn giản gắn liền liên kết các lớp học đào tạo truyền thống cùng các hoạt động học tập điện tử, chẳng hạn như làm việc không đồng bộ (thường được truy cập bởi các HS lúc ở bên ngoài lớp tại thời điểm và khả năng truy nhập bất kỳ). Tuy nhiên, thuật ngữ càng ngày đã phát triển hơn bao gồm tập hợp phong phú các hình thức học tập với nhiều cấp độ khác nhau, cụ thể:

Tích hợp học Offline với Online: Đây là cấp độ đơn giản nhất, quá trình b-Learning kết hợp các hình thức Offline và Online, học tập trực tuyến ở đây thường có nghĩa là “qua internet hoặc intranet” và học Offline thường được thiết lập trong một lớp học truyền thống. Tuy nhiên, việc học tập offline được quản lý thông qua một hệ thống học tập trực tuyến. Một ví dụ của loại hình tích hợp này bao gồm chương trình học tập, cung cấp các tài liệu học tập và nghiên cứu nguồn tài nguyên trên Web, trong khi được GV hướng dẫn, phương tiện chính của các buổi đào tạo lớp học là hướng dẫn.

Tích hợp tự học, học tích cực với học hợp tác: Quá trình tự học thường độc lập, theo yêu cầu học tập ngày càng cao được quản lý hoặc kiểm soát bởi các HS. Mặt khác, ngụ ý của học tập hợp tác là năng động hơn giao tiếp giữa các HS để chia sẻ kiến thức. Sự tích hợp giữa tự học và học hợp tác có thể bao gồm xem xét lại những kiến thức quan trọng trong một tình huống mới hoặc kết quả mới tiếp theo là kiểm duyệt, tích cực, trực tuyến, giữa người học-người học thảo luận về các ứng dụng của kiến thức vào công việc và cuộc sống sau này của người học.

Tích hợp học có cấu trúc với học không có cấu trúc: Không phải tất cả các hình thức học tập đều bao hàm một tính toán trước, có cấu trúc, hoặc chương trình học tập chính thức với

nội dung được tổ chức theo thứ tự cụ thể như các chương trong SGK. Trong thực tế, hầu hết học tập tại nơi làm việc xảy ra trong hình thức không có cấu trúc thông qua các cuộc họp, cuộc hội thoại hành lang, hoặc e-mail. Một thiết kế chương trình tích hợp có thể tích cực xem xét, nắm bắt các cuộc đàm thoại và văn bản từ hoạt động học tập phi cấu trúc với các kho kiến thức có sẵn dựa trên nhu cầu, hỗ trợ những người tìm kiếm tri thức cộng tác và làm việc.

Tích hợp nội dung tùy chỉnh với nội dung cố định: Nội dung cố định theo định nghĩa chung, không liên quan đến bối cảnh và yêu cầu của một tổ chức, cơ quan. Tuy nhiên, nội dung chung là ít tốn kém để mua và hiệu quả thường xuyên có giá trị cao hơn nội dung tùy chỉnh. Ngày nay, nội dung tự học chung có thể được tùy chỉnh với một sự pha trộn một hoạt động tích cực (lớp học hoặc trực tuyến) hoặc với nội dung tùy biến.

Tích hợp học, thực hành, và tài liệu hỗ trợ: Có lẽ hình thức tốt nhất của b-Learning học tập tích lũy (tổ chức trước khi bắt đầu làm nhiệm vụ mới) với thực hành (bằng cách sử dụng quy trình mô hình mô phỏng nhiệm vụ hoặc công việc) và tài liệu hỗ trợ chỉ thực hiện trong thời gian công cụ tạo điều kiện thuận lợi thích hợp cho việc thực hiện nhiệm vụ, công việc. Công cụ, phương tiện tiên tiến cung cấp môi trường không gian làm việc dựa trên máy tính làm việc, hợp tác, và các công cụ tài liệu hỗ trợ.

4. Đặc điểm của b-Learning

b-Learning là một HTTCDH hết sức linh hoạt, áp dụng những PPDH tiên tiến và sử dụng hiệu quả những tiện ích mà công nghệ đem lại. Nền tảng của phương pháp b-Learning tạo thành dựa trên những ưu điểm của giáo dục truyền thống F2F và giáo dục dựa trên máy tính thay vì sử dụng một cách riêng lẻ. Đặc điểm cơ bản của b-Learning phản ánh giá trị giáo dục của thế kỷ 21:

- Cung cấp một phương pháp mới để học tập và giảng dạy. b-Learning linh hoạt về không gian và thời gian diễn ra các hoạt động dạy và học, sao cho phù hợp với từng nội dung, khả

năng tổ chức vì việc học vừa diễn ra trên lớp vừa diễn ra thông qua mạng máy tính. Thời gian học được thay đổi cho phù hợp với khả năng học của cá nhân HS.

- Giảng dạy làm thế nào để HS tự học. Hoạt động của HS là hoạt động tự học có hướng dẫn, với vai trò chủ đạo của mình, HS tích cực tham gia vào hoạt động học trên lớp “thật” và trên lớp học “ảo”. Ngoài kiến thức về chuyên môn, HS còn trau dồi được kỹ năng tiếp cận và làm chủ công nghệ.

- Tạo ra dạy học kỹ thuật số. Áp dụng PPDH tiên tiến, phù hợp với nội dung dạy, tương thích với từng đối tượng học và khả năng học của HS.

- b-Learning kế thừa những ưu điểm của học trực tuyến e-Learning. b-Learning cho phép có thể học với tốc độ hiệu quả nhanh nhất có thể. Giúp cho người học ghi nhớ kiến thức nhanh hơn thông qua tính tương tác của nó, cho phép người học tăng tốc độ học thông qua các công cụ học tập mà họ đã quen thuộc và tiếp nhận những công cụ học tập mà họ ít sử dụng nhất. Người học có thể truy cập từ bất cứ một máy tính nào ở bất cứ đâu trên thế giới, với chi phí rất thấp để tham gia lớp học “ảo”, thảo luận, trao đổi và tìm kiếm tài liệu phục vụ học tập.

- Tối ưu hoá việc sử dụng phương tiện. Trong b-Learning, ngoài những phương tiện CNTT và TT sử dụng để hỗ trợ trong dạy học truyền thống còn có sự nâng cao và khai thác tối ưu những tiện ích từ các phương tiện hiện đại khác trong đó có máy tính và internet.

- Cải thiện học tập dựa trên dự án, hợp lý hoá các nội dung học. Theo đó, cấu trúc nội dung chương trình được phân chia và bố trí một cách phù hợp hơn trên cơ sở SGK và phân phối nội dung chương trình vật lý THPT được ban hành.

- Và cải thiện quá trình giảng dạy. Hoạt động của GV có mối liên hệ chặt chẽ và thống nhất với các GV khác và nhà kỹ thuật trong việc thiết kế các nội dung, đưa ra các chỉ dẫn cho người tham gia vào khoá học.

5. Vai trò của b-Learning đối với đổi mới phương pháp dạy học

Đổi mới PPDH là một trong những mục tiêu lớn được ngành giáo dục và đào tạo đặt ra trong giai đoạn này nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả của giáo dục đào tạo. Hiện nay việc dạy học chủ yếu là lên lớp theo phương pháp truyền thống, thầy tiếp xúc trực tiếp với trò. Thầy đóng vai trò chủ động, trò thường bị động, b-Learning có thể làm biến đổi cách học cũng như vai trò của HS và GV. Người học đóng vai trò trung tâm và chủ động trong quá trình học tập, có thể học mọi lúc, mọi nơi, miễn rằng nơi đó có phương tiện trợ giúp việc học. GV sẽ chỉ là người hướng dẫn HS học tập chứ không đơn giản chỉ còn là người phát thông tin vào đầu HS.

b-Learning bắt nguồn từ ý tưởng rằng việc học không chỉ là hoạt động học tập trong một thời gian nhất định mà là một quá trình liên tục, người học được cung cấp phương tiện để thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. Cùng với sự phát triển ngày càng nhanh và càng đóng vai trò quan trọng trong cuộc sống cũng như trong giáo dục của CNTT và TT, b-Learning đang dần dần thể hiện rõ tầm quan trọng của mình.

b-Learning lấy HS làm trung tâm; tính linh hoạt, tự học, kết hợp nhiều phương pháp để học tập. Là một mô hình giảng dạy ngày càng phổ biến, b-Learning yêu cầu tất cả HS hoạch định kế hoạch trước khi học tập, tiếp thu kiến thức mới và sử dụng kiến thức một cách sáng tạo để các giải quyết các vấn đề trong cuộc sống hàng ngày thông qua một loạt các hoạt động đồng bộ và không đồng bộ.

Hiện nay, b-Learning đang chứng tỏ được sự ưu việt của mình so với các hình thức học khác. Điều này được thể hiện trong các nghiên cứu được công bố của Thomson Job Impact Study (2002), Texas Instruments and Corning Glass Works (Zemke, 2006), Results - Oriented Learning (2006) của Microsoft, Schnelle (2006), Bersin (2004). Nghiên cứu của Osguthope & Graham (2003) đã chỉ ra sáu lý do để chọn thiết kế hoặc sử dụng một hệ thống b-Learning, bao gồm: sự phong phú của sự phạm, tiếp cận với sự hiểu biết, sự tương tác xã hội, cơ quan cá nhân, chi phí hiệu quả, dễ dàng sửa đổi. Kết quả

nghiên cứu của Graham, Allen & Ure (2003) cho thấy, đa số người dân chọn b-Learning vì ba lý do chính: hoàn thiện tính sự phạm, tăng tính truy cập và sự linh hoạt, tăng hiệu quả chi phí.

Với b-Learning, giờ học lý thuyết sinh động hơn nhờ các hiệu ứng hình ảnh, âm thanh, đồ họa, thí nghiệm ảo, thí nghiệm mô phỏng... trên máy tính. Ngoài ra, kỹ năng xã hội của HS cũng được nâng cao đáng kể do tính tương tác cao giữa các thành viên trong lớp. Đây là một yếu tố kích thích sự hứng thú, nâng cao động cơ học tập, đồng thời tăng khả năng hợp tác và làm việc của HS. Tiết kiệm được thời gian viết, vẽ trên bảng do đó GV có thời gian nhiều hơn để thực hiện chức năng của mình trong PPDH tích cực như: Giúp HS khái quát kiến thức, nâng cao lý luận và hiểu kiến thức một cách sâu sắc; Kiểm tra năng lực giải quyết vấn đề, kỹ năng, kỹ xảo và ứng dụng kiến thức vào thực tiễn của HS; Hướng dẫn HS trao đổi thảo luận;...

b-Learning cải thiện số lượng và chất lượng các thông tin liên lạc giữa người học với nhau hoặc người học và người dạy qua các hoạt động thảo luận nhóm trực tuyến và mặt đối mặt trong lớp học. b-Learning cung cấp những phương tiện, tài liệu để bắt đầu khám phá học tập trực tuyến trong khi vẫn giữ lại QTDH của lớp học truyền thống mà HS và GV đã quen thuộc. B-Learning giúp cải thiện mối quan hệ giữa các GV và HS. Sự gia tăng thời gian trao đổi trực tiếp mặt đối mặt trong lớp học so với học trực tuyến, với khả năng cập nhật nội dung và các hoạt động học tập nhanh chóng tạo điều kiện cho các thông tin phản hồi ngay lập tức đến được với người dạy. b-Learning cũng cung cấp cơ hội để người học mạnh dạn đưa ra ý tưởng cũng như cung cấp bổ sung các tài liệu học tập tạo ra nguồn tài liệu ngày càng đa dạng, phong phú.

b-Learning tạo khả năng tự học và tự nghiên cứu cho HS trên môi trường cá nhân. Vì các đối tượng nhận thức được trình bày một cách toàn diện, tổng thể, đầy đủ và nhanh chóng nhờ các thiết bị đa phương tiện và các phần mềm. Hơn nữa, thông qua sự cộng tác nhóm, HS được rèn

luyện các kỹ năng giao tiếp, tạo sự tự tin và mạnh dạn trình bày những ý tưởng, quan điểm của cá nhân. HS được tham gia một loạt các tương tác trong không gian và thời gian; tiếp cận nguồn thông tin, giáo dục và dịch vụ cộng đồng và các kết nối cá nhân tạo nên sự thuận lợi và khả năng nắm bắt thông tin nhanh chóng.

Với b-Learning, kết quả học tập phản ánh ngay qua từng bài học chứ không phải chờ đến bài kiểm tra. Khi kết thúc một bài học hay khoá học, HS có thể kiểm tra kiến thức mình đã học thông qua các bài kiểm tra, bài thi dưới dạng trắc nghiệm khách quan hoặc tự luận. Kết quả và đáp án sẽ được cập nhật nhanh chóng, đem lại thông tin phản hồi kịp thời, góp phần tích cực trong việc chỉ đạo, định hướng hoạt động dạy học, giúp HS tự đánh giá khả năng của mình và GV cũng có thể đánh giá năng lực học tập của HS cũng như năng lực chuyên môn của mình.

Bên cạnh đó, b-Learning cũng tiết kiệm thời gian (so với dạy học truyền thống) và chi phí (so với học trực tuyến) trong khi vẫn đảm bảo hoàn thành các nhiệm vụ học tập dựa vào tính linh hoạt trong việc lập kế hoạch và thời gian biểu cho khoá học trên cơ sở phân phối các hình thức dạy học cân bằng và tối ưu hoá chương trình học tập phát triển. Hoàn toàn học trực tuyến, tự học, phương tiện truyền thông phong phú dựa trên nội dung dạy học trên web có thể là quá tốn kém để sản xuất (đòi hỏi nhiều nguồn lực và kỹ năng), nhưng kết hợp hợp tác ảo và các buổi dạy học F2F với các hoạt động tự học đơn giản, chẳng hạn như chung nội dung học tập, tài liệu nghiên cứu, các hoạt động học tập điện tử, bài tập văn bản, và bài thuyết trình PowerPoint (yêu cầu thời gian nhanh hơn và kỹ năng thấp hơn để sản xuất) có thể có hiệu quả, thậm chí còn hơn.

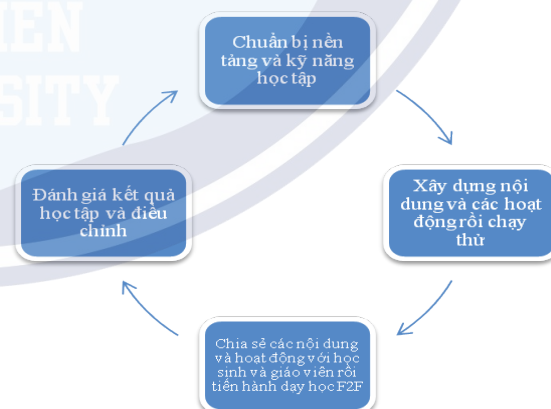
Mặt khác, cơ sở vật chất hạ tầng trong giáo dục nước ta thấp, chưa có khả năng phục vụ dạy học hoàn toàn qua mạng cùng với sự thiếu kinh nghiệm và kỹ năng trong việc quản lý, khai thác cũng như sử dụng các hệ thống đào tạo trực tuyến của người GV cho thấy giải pháp b-Learning trong điều kiện hiện nay là một tất yếu.

Tóm lại, hình thức b-Learning phát huy tối

đa thế mạnh của cả GV và HS. Cả người học và người dạy đều phải nhận thức được vai trò thay đổi của mình. Trước đây khi phương pháp giảng dạy giao tiếp ra đời, vai trò của người thầy đã đổi từ “dạy” sang “hướng dẫn” và cao hơn là “hỗ trợ”. Trong hình thức b-Learning, bản thân người thầy cũng được CNTT “hỗ trợ” và vận dụng tốt các tính năng ưu việt của nó, người thầy sẽ giúp từng HS hiểu các khái niệm rõ ràng hơn và biết cách vận dụng các khái niệm này trong thực hành thực tế một cách tích cực, sáng tạo và trở thành một người học chủ động, tích cực, làm nền tảng cho sự chủ động trong cuộc sống và công việc của các HS trong tương lai. Từ đó, b-Learning sẽ mang lại một trào lưu mới trong học tập.

6. Quy trình b-Learning

b-Learning xuất phát từ chính yêu cầu của QTDH khi công nghệ ngày càng phát triển và thâm nhập sâu rộng vào các mặt của đời sống con người, đặc biệt là trong lĩnh vực giáo dục. Để triển khai b-Learning một cách hiệu quả cần phải thực hiện theo một tuần tự thích hợp. Qua phân tích đặc điểm cũng như các yếu tố ảnh hưởng đến b-Learning, quy trình b-Learning có thể trải qua bốn giai đoạn như sơ đồ sau:



Sơ đồ 3. Quy trình b-Learning

Giai đoạn 1 – Chuẩn bị: Trong giai đoạn này, người dạy và người học được tiếp xúc với những yếu tố của b-Learning. Cùng với việc chuẩn bị nền tảng học tập (hệ thống quản lý học tập Moodle), người tham gia cần rèn luyện những kỹ năng cần thiết cho việc b-Learning như sử dụng,

khai thác mạng, làm việc với phần mềm, đăng ký và đăng nhập vào hệ thống. Cùng với đó là việc phát triển hệ thống các tài liệu học tập, từng bước tiếp cận hệ thống quản lý học tập điện tử. Đây là khâu chuẩn bị, tạo tiền đề cho triển khai các giai đoạn tiếp theo.

Giai đoạn 2 – Thiết kế và thử nghiệm: Xây dựng chương trình, kế hoạch và thiết kế các nội dung và hoạt động học tập dựa trên nền tảng học tập. Tạo một chương trình học tập tích hợp không chỉ đơn giản là kết hợp học trực tuyến và học truyền thống mà phụ thuộc vào nhiều yếu tố. Để đến được thành công, sự thiết kế b-Learning cần phải có ý tưởng rõ ràng; do đó, cần lưu ý các điểm sau: Xác định rõ mục tiêu giảng dạy; Xác định các trình độ kỹ năng của người học và các đặc điểm của đối tượng dạy học; Chú ý đến nội dung dạy học, mục tiêu và đối tượng để tích hợp các phương pháp học tập thích hợp nhất; Xây dựng chương trình giảng dạy tốt (bao gồm cả đánh giá) cần khai thác tối đa các khả năng hỗ trợ của CNTT; nên trao đổi, tham khảo ý kiến của các chuyên gia, đồng nghiệp; Thiết kế các chương trình b-Learning mới chỉ thành công một nửa mà sự thực hiện, hỗ trợ của các phương tiện cũng rất cần thiết để thành công. Người dạy cần dạy cho HS như thế nào để tự học; đảm bảo HS có thể thành công bằng cách tạo điều kiện thuận lợi, cung cấp cho họ công nghệ và hỗ trợ kỹ thuật thích hợp. Sau đó, tiến hành chạy thử, xem xét kết quả, phân tích và rút ra nhận định làm cơ sở cho sự điều chỉnh cải tiến các nội dung cũng như các hoạt động học.

Giai đoạn 3 – Chia sẻ và triển khai: Chia sẻ các nội dung và hoạt động học tập đã thiết kế với người học và người tham gia, đặc biệt trao đổi với những GV có kinh nghiệm để học hỏi. Sau đó, áp dụng triển khai thực tế các hình thức kết hợp trong QTDH, cụ thể dạy học truyền thống F2F dựa trên nội dung và hoạt động đã xây dựng trực tuyến trên hệ thống.

Giai đoạn 4 – Đánh giá và điều chỉnh: Đánh giá kết quả học tập của HS. Từ kết quả đó cùng với sự trao đổi với HS và đồng nghiệp, điều chỉnh và cải tiến mô hình sao cho phù hợp.

Kết luận

Việc tổ chức dạy học với theo hình thức học tích hợp b-Learning cho quá trình dạy học là xu hướng tất yếu trong giáo dục đào tạo của thế kỉ XIX. b-Learning được hiểu một cách chung nhất là sự kết hợp dạy học truyền thống F2F và dạy học trực tuyến e-Learning, nên b-Learning kế thừa ưu điểm của cả F2F và e-Learning; nói cách khác, b-Learning thực sự là một cuộc cải cách về phương pháp dạy học với khả năng linh hoạt, tương tác, tự học và tính hiệu quả của nó, góp phần đổi mới phương pháp dạy học, cải tiến và nâng cao tính tích cực về chất lượng đào tạo toàn diện.

Để phát triển b-Learning trong dạy học ở trường phổ thông, bước đầu nên tổ chức hình thức b-Learning đơn giản. Đó là từ website riêng của trường, mỗi bộ môn hoặc mỗi nhóm GV cùng ngành sẽ có các trang web riêng, tích hợp thêm hệ thống quản lý học tập (LMS) và hệ thống quản lý nội dung học tập (LCMS). Lúc đó mỗi GV sẽ có một tài khoản riêng trong hệ thống, từ đó có thể chủ động thiết kế, soạn thảo bài giảng, bài kiểm tra, bài thi, tạo giáo án trực tuyến, dạy học trực tuyến bằng các hình thức như trình chiếu, hình ảnh, hoạt hình, video clip, chấm điểm bài kiểm tra, bài thi trực tuyến, trao đổi thông tin học tập, giải trí, tư vấn cho HS về kiến thức bài giảng, đánh giá HS với các ưu - khuyết điểm nhằm hiểu và có phương pháp giáo dục phù hợp cho từng HS và cũng là cơ sở liên lạc hai chiều giữa GV và phụ huynh. HS cũng có thể chủ động học tập, làm bài tập, kiểm tra, thi trực tiếp trên máy tính, làm bài tập theo nhóm, trao đổi phương pháp học tập, đối thoại với GV và bạn bè, gửi các câu hỏi tư vấn, viết nhật ký, giải trí,... Phụ huynh có thể theo dõi việc học tập của con em mình qua thông tin, thông báo của nhà trường, điểm học tập, nhận xét, đánh giá của nhà trường và GV bộ môn,...

Về phía Ban giám hiệu nhà trường, có thể thông qua cổng b-Learning để kiểm duyệt nội dung giảng dạy, quản lý GV, thông tin hoạt động của nhà trường, thông tin 2 chiều đến phụ huynh HS, thông tin về HS như điểm số môn học, điểm

trung bình học kỳ, trung bình năm, xếp loại, đánh giá, khen thưởng, kỷ luật, điểm danh, quản lý diễn đàn trao đổi thông tin nội bộ giữa nhà trường với GV và nhà trường với HS, tư vấn cho HS những vấn đề khó khăn trong học tập và tâm lý qua mạng, trao đổi với GV.

Tóm lại, b-Learning có thể xem như một hệ thống giáo dục mở mà khả năng ứng dụng, khai thác rất rộng với công cụ hỗ trợ là CNTT và

truyền thông cùng với sự hướng dẫn trực tiếp của GV. Khả năng khai thác và ứng dụng của b-Learning trong dạy học tùy thuộc rất nhiều vào yếu tố con người và cơ sở vật chất của cơ sở đào tạo. Do đó, b-Learning cần tiếp tục nghiên cứu và áp dụng rộng rãi mới có thể rút ra một tiến trình khoa học và phù hợp nhất với giáo dục Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. AYTAÇ, Tufan (2009), “The influence of Blended Learning model on developing leadership skills of school administrators”, *UbiCC Journal*, 4(3), pp.539.
2. Bersin & Associates (2003), *Blended Learning: What WorksTM*, U.S.
3. Chang, A.K., Chang, J.C. (2006), “Blended-Learning Model Employed in Higher Education Institutes”, *建國科大學報：管理類*, 民國 95 年, 25(4), pp. 25-40.
4. HADJERROUIT, Said (2008), “Towards a Blended Learning Model for Teaching and Learning Computer Programming: A Case Study”, *Informatics in Education*, 7(2), pp. 181–188.
5. Han, S.L. & Jung, H.Y. (2008), “The Effect of an Offline Class Model for Blended Learning in Lowability College School Students”, *International Journal for Education Media and Technology*, 2(1), pp. 45-54.
6. Holden, J. and Westfall, P.J.L. (2010), *An Instructional Media Selection Guide For Distance Learning — Implications For Blended Learning*, United States Distance Learning Association, U.S.
7. Mosa, Elena (2006), “Puntoedu: a blended e-learning model face-to-face settings and virtual environments”, *Current Developments in Technology-Assisted Education*, pp. 1744-1749.
8. Picciano, A.G. (2009), “Blending with Purpose: The Multimodal Model”, *Journal of Asynchronous Learning Networks*, 13(1), pp. 7-18.
9. Tinio, V.L. (Nhóm công tác e-ASEAN UNDP-APDIP dịch) (2003), “Công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) trong giáo dục”, <http://www.unapcict.org>, 30/09/2005.